

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021**  
**huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất 2021 huyện Thanh Sơn (lần 1);*

*Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Sơn (Tờ trình số 749/TTr-UBND ngày 24/5/2021) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 338/TTr-TNMT ngày 04/6/2021).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thanh Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Phân bổ diện tích các loại đất:**

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là 55.460,05 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 13,16 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa là 4.532,57 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 3,98 ha.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1.563,07 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,31 ha.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 6.764,91 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 3,04 ha.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 30.137,17 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 5,01 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 713,67 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,82 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là 6.333,37 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 13,34 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất thương mại dịch vụ là 511,78 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,18 ha.

+ Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 145,70 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 1,96 ha.

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.905,46 ha, tăng 11,57 ha (gồm đất giao thông tăng 11,67 ha; đất thủy lợi giảm 0,05 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo giảm 0,05 ha).

+ Diện tích đất ở tại đô thị là 158,09 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,07 ha.

+ Diện tích đất ở tại nông thôn là 1.032,15 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,34 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 229,49 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,05 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng là 26,50 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,05 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là 316,98 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,18 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung  
Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2021 được duyệt (ha)	Diện tích kế hoạch năm 2021 điều chỉnh bổ sung (ha)	So sánh tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>62.110,40</b>	<b>62.110,40</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>55.473,21</b>	<b>55.460,05</b>	<b>-13,16</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.536,55	4.532,57	-3,98
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.266,59</i>	<i>3.262,61</i>	<i>-3,98</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.563,38	1.563,07	-0,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.767,95	6.764,91	-3,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.669,08	11.669,08	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	30.142,18	30.137,17	-5,01
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	714,49	713,67	-0,82
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	79,57	79,57	0
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.320,03</b>	<b>6.333,37</b>	<b>13,34</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	380,89	380,89	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,56	0,56	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	511,60	511,78	0,18
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	143,74	145,70	1,96
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	465,11	465,11	
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.893,89	1.905,46	11,57
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,64	6,64	
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	158,02	158,09	0,07
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.032,49	1.032,15	-0,34
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,01	23,01	
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,80	0,80	
2.12	Đất công trình sự nghiệp khác	DSK	0,07	0,07	
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,26	1,26	
2.14	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	229,54	229,49	-0,05
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	52,90	52,90	
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	26,55	26,50	-0,05
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>317,16</b>	<b>316,98</b>	<b>-0,18</b>

**2. Danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021:**

Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 07 dự án, trong đó có 06 dự án bổ sung và 01 dự án điều chỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021; tham mưu việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Thanh Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**



STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Diện tích	Sử dụng từ các loại đất													Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	
					LUC	BHK	CLN	RSX	NTS	ONT	SKC	DGT	DTL	DGD	DSH	NTD	CSD		
5	Cơ sở chế biến lâm sản Kim Thành	Xóm Chanh, xã Sơn Hùng	Công ty TNHH đầu tư Thương mại Kim Thành	2,00				2,00											Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ;
V	<b>Dự án đất thương mại, dịch vụ</b>			<b>0,18</b>			<b>0,12</b>			<b>0,02</b>	<b>0,04</b>								
6	Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu	Xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ	Công ty cổ phần SUNSEACO Việt Nam	0,18			0,12			0,02	0,04								Quyết định chủ trương đầu tư số 869/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh
<b>B</b>	<b>Công trình dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 nay điều chỉnh, bổ sung</b>			<b>0,50</b>	<b>0,47</b>	<b>0,02</b>						<b>0,01</b>							
<b>I</b>	<b>Tên dự án, diện tích, cơ cấu loại đất theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt</b>			<b>0,48</b>	<b>0,48</b>														
<b>I</b>	<b>Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn</b>			<b>0,48</b>	<b>0,48</b>														
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	Khu Nhang Quê, xã Thạch Khoán	UBND huyện Thanh Sơn	0,48	0,48														Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ
<b>II</b>	<b>Nay điều chỉnh, bổ sung diện tích, cơ cấu loại đất, căn cứ pháp lý dự án</b>			<b>0,98</b>	<b>0,95</b>	<b>0,02</b>						<b>0,01</b>							
<b>I</b>	<b>Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn</b>			<b>0,98</b>	<b>0,95</b>	<b>0,02</b>						<b>0,01</b>							
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	Khu Nhang Quê, xã Thạch Khoán	UBND huyện Thanh Sơn	0,98	0,95	0,02						0,01							Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ